**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HÓA HỌC LỚP 11 THI LẠI HÈ 2023**

**CHƯƠNG VII: BENZEN VÀ ĐỒNG ĐẲNG**

**Câu 1:**Công thức phân tử của metyl benzen là

**A.** C6H6. **B.** C5H8. **C.** C7H8. **D.** CH4.

**Câu 2:** Trong phân tử benzen:

1. 6 nguyên tử H và 6 C đều nằm trên 1 mặtphẳng.
2. 6 nguyên tử H nằm trên cùng 1 mặt phẳng khác với mặt phẳng của 6C.
3. Chỉ có 6 C nằm trong cùng 1 mặtphẳng.
4. Chỉ có 6 H mằm trong cùng 1 mặtphẳng.

**Câu 3:** Benzen **không** tác dụng được với chất nào sau đây?

**A.** H2 (xúc tác). **B.**HNO3(xúc tác). **C.** Br2 (xúc tác). **D.** KMnO4.

**Câu 4:** Dãy đồng đẳng của benzen có công thức chung là:

**A.** CnH2n+6 ; n≤6. **B.** CnH2n-6 ; n≤3. **C.** CnH2n-6 ; n=6. **D.** CnH2n-6 ; n ≥6.

**Câu 5.**Ở điều kiện thường chất nào sau đây là chất lỏng?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. Metan. | 1. Benzen | 1. Etilen. | 1. Axetilen |

**Câu 6:** Benzen tác dụng với Cl2 (Fe, t0) theo tỉ lệ mol 1:1, thu được chất hữu cơ X. Tên gọi của X là.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. o-clo toluen. | 1. toluen. | 1. Hexan. | 1. Clobenzen |

**Câu 7:** Chất nào sau đây làm mất màu brom ở nhiệt độ thường

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. Benzen | 1. Toluen | 1. Stiren | 1. o- xilen |

**Câu 8:** Để phân biệt benzen, toluen, stiren ta chỉ dùng 1 thuốc thử duy nhất là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. Brom (dd). | 1. Br2 (Fe) | 1. KMnO4. | 1. Na |

**Câu 9:** C7H8 có số đồng phân thơm là:

**A.**1. **B.** 2. **C.**3. **D.** 4.

**Câu 10:** Ứng với công thức phân tử C8H10 có bao nhiêu cấu tạo chứa vòng benzen ?

**A.**2. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 5.

**Câu 11:** Tính chất nào **không** phải của benzen

**A.** Tác dụng với Br2(to,Fe). **B.** Tác dụng với HNO3 (đ)/H2SO4(đ).

**C.** Tác dụng với dungdịch KMnO4. **D.** Tác dụng với Cl2(as).

**Câu 12:** Xét phản ứng : C6H5CH3+ KMnO4 C6H5COOK+ MnO2↓+KOH+H2O .

Tổng hệ số các chất trong phương trình trên là

**A.** 10. **B.** 9. **C.** 12. **D.** 8.

**Câu 13:** Đốt cháy hết 9,18 gam 2 đồng đẳng kế tiếp thuộc dãy của benzen A, B thu được H2O và 30,36 gam CO2. Công thức phân tử của A và B lần lượt là:

**A.** C6H6;C7H8. **B.** C8H10; C9H12. **C.** C7H8;C9H12. **D.** C9H12 ;C10H14.

**Câu 14:** Cho m gam stiren tác dụng vừa đủ với 32 gam Br2 thu được x gam dẫn xuất đibrom. Giá trị của m và x lần lượt là:

**A.** 20,8 và 52,8. **B.** 10,4 và 42,4. **C.** 41,6 và 73,6. **D.** 15,6 và 47,6.

**Câu 15:** Lượng clobenzen thu được khi cho 15,6 gam C6H6 tác dụng hết với Cl2 (xúc tác bột Fe) với hiệu suất phản ứng đạt 80% là

**A.** 14 gam. **B.** 16 gam. **C.** 18 gam. **D.** 20 gam.

**CHƯƠNG VIII: ANCOL – PHENOL**

**Câu 1.** Công thức cấu tạo tổng quát của dãy đồng đẳng của ancol etylic là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** CnH2n + 2O(n1 | **B.** ROH. | **C.**CnH2n + 1OH(n1). | **D.** Tất cả đều đúng |

**Câu 2.** Ancol etylic tác dụng với K, thu được hiđro và chất nào sau đây?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. C2H5OH. | 1. C2H5OK. | 1. CH3OH. | **D.** CH3OK. |

**Câu 3.** Tên thay thế của CH3OH là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. etanol. | 1. metanol. | 1. propanol. | **D.**phenol |

**Câu 4.**Cho 1,84 gam ancol X (C2H5OH) tác dụng hoàn toàn với kim loại Na dư, thu được V lít khí H2 (ở đktc). Giá trị của V ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. 0,224. | 1. 0,336. | 1. 0,448. | 1. 0,672 |

**Câu 5.**Khi tách nước của ancol C4H10O được hỗn hợp 3 anken đồng phân của nhau (tính cả đồng phân hình học). Công thức cấu tạo thu gọn của ancol là :

|  |  |
| --- | --- |
| 1. CH3CHOHCH2CH3.. | 1. (CH3)2CHCH2OH. |
| **C.**(CH3)3COH. | **D.**CH3CH2CH2CH2OH. |

**Câu 6:** Ancol no, đơn chức có 10 nguyên tử H trong phân tử có số đồng phân là

**A.**5. **B.** 3. **C.**4. **D.**2.

**Câu 7:** Một ancol no đơn chức có %H = 13,04% về khối lượng. CTPT của ancol là

**A.**C6H5CH2OH. **B.**CH3OH. **C.**C2H5OH. **D.**CH2=CHCH2OH.

**Câu 8:** Một ancol no đơn chức có %O = 50% về khối lượng. CTPT của ancol là

**A.**C3H7OH. **B.** CH3OH. **C.**C6H5CH2OH. **D.** CH2=CHCH2OH.

**Câu 9.**Chất nào sau đây tác dụng được với Na?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. Etilen. | 1. Etan. | 1. Propan. | 1. Phenol |

**Câu 10.**Chất nào sau đây tác dụng với dung dịch Br2 tạo kết tủa trắng ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. Benzen. | 1. Phenol | 1. etanol | 1. Axit axetic |

**Câu 11.**Ảnh hưởng của nhóm ***–***OH đến gốc C6H5***–*** trong phân tử phenol thể hiện qua phản ứng giữa phenol với

|  |  |
| --- | --- |
| 1. dung dịch NaOH. | 1. Na kim loại. |
| **C.**nước Br2. | **D.**H2(Ni, nung nóng). |

**Câu 12.**Hiện tượng xảy ra khi nhỏ vài giọt dung dịch HCl đặc vào ống nghiệm chứa một ít dung dịch C6H5ONa rồi lắc mạnh là :

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Có sự phân lớp, dung dịch trong suốt hóa đục | 1. Dung dịch trong suốt hóa đục. |
| **C.**Có phân lớp ; dung dịch trong suốt. | **D.**Xuất hiện sự phân lớp ở ống nghiệm. |

**Câu 13:** Ancol metylic tác dụng với Na, thu được hiđro và chất nào sau đây?

**A.** C2H5OH. **B.** CH3ONa. **C.** CH3OH. **D.** CH3OK.

**Câu 14:**Tên thay thế của CH3CH2OH là

**A.** metanol. **B.** etanol. **C.** propanol. **D.** phenol.

**Câu 15:** Bậc của ancol là

**A.** bậc cacbon lớn nhất trongphântử. **B.** bậc của cacbon liên kết với nhóm-OH.

**C.** số nhóm chức có trongphântử. **D.** số cacbon có trong phân tửancol.

**Câu 16:** Bậc ancol của 2-metylbutan-2-ollà

**A.**bậc4. **B.** bậc1. **C.**bậc2. **D.** bậc3.

**Câu 17:** Các ancol được phân loại trên cơ sở

**A.** số lượngnhóm OH. **B.** đặc điểm cấu tạo của gốchiđrocacbon.

**C.** bậccủaancol. **D.** Tất cả các cơ sở trên.

**Câu 18:** Ancol nào sau đây là ancol bậc II?

**A.** (CH3)3C-OH. **B.** CH3CH2OH. **C.**CH3CH(OH)CH3. **D.** CH3CH2CH2OH.

**Câu 19:**Chất nào sau đây tác dụng được với NaOH?

A. Etilen. **B.** Metanol. **C.** Propan. **D.** Phenol.

**Câu 20:** Phenol rất độc, do đó khi sử dụng phenol phải hết sức cẩn thận. Công thức phân tử của phenol là

**A.** C2H6O. **B.** C6H6O. **C.** C3H8O. **D.** C2H4O2.

**Câu 21:** Cho 1,84 gam ancol etylic tác dụng hoàn toàn với kim loại Na dư, thu được V lít khí H2 (ở đktc). Giá trị của m

**A.** 0,224. **B.** 0,336. **C.** 0,448. **D.** 0,672.

**Câu 22:**Đun etanol với H2SO4 đặc ở 1400C, thu được chất nào sau đây?

**A.** Propen. **B.**Đietyl ete. **C.** Etan. **D.** Eten.

**Câu 23:** Phương pháp điều chế ancol etylic từ chất nào sau đây là phương pháp sinh hóa ?

**A.**Anđehitaxetic. **B.**Etylclorua. **C.**Tinh bột. **D.**Etilen.

**Câu 24:** Anken thích hợp để điều chế 3-etylpentan-3-ol bằng phản ứng hiđrat hóa là

**A.**3,3-đimetylpent-2-en. **B.** 3-etylpent-2-en.

**C.**3-etylpent-1-en. **D.** 3-etylpent-3-en.

**Câu 25:** Hiđrat hóa 2-metyl but-2-en thu được sản phẩm chính là

**A.** 2-metyl butan-2-ol.  **B.** 3-metyl butan-1-ol.

**C.** 3-metyl butan-2-ol. **D.** 2-metyl butan-1-ol.

**Câu 26:** Chất nào sau đây tác dụng với dung dịch HNO3 tạo kết tủa vàng?

**A.** Benzen. **B.** Etanol. **C.** Axit axetic. **D.** Phenol.

**Câu 27:**Phát biểu nào sau đây đúng?

**A.** Dung dịch phenol có tính axít yếu. **B.** Phenol tác dụng với NaOH tạo khí H2.

**C.** Phenol tác dụng với NaHCO3 tạo khí CO2. **D.** Phenol không tác dụng được với Na tạo khí H2.

**Câu 28:** Cho 5 ml dung dịch chất X vào ống nghiệm, sau đó cho tiếp vào ống nghiệm một mẩu natri bằng hạt đậu, thấy có khí thoát ra. Chất X là

**A.** Etanal. **B.** etanol. **C.** Benzen. **D.** etilen.

**Câu 29:** Một chai đựng ancol etylic có nhãn ghi 25o có nghĩa là

1. cứ 100 ml nước thì có 25 ml ancol nguyên chất.
2. cứ 100 gam dung dịch thì có 25 ml ancol nguyênchất.
3. cứ 100 gam dung dịch thì có 25 gam ancol nguyên chất.
4. cứ 75 ml nước thì có 25 ml ancol nguyên chất.

**Câu 30:** Ancol nào bị oxi hóa tạo xeton ?

**A.**propan-2-ol. **B.**butan-1-ol. **C.**2-metylpropan-1-ol. **D.**propan-1-ol.

**Câu 31:** Ancol no đơn chức tác dụng được với CuO tạo anđehit là

**A.** ancolbậc2. **B.** ancol bậc3.

**C.** ancolbậc1. **D.** ancol bậc 1 và ancol bậc2.

**Câu 32:** Chỉ ra thứ tự tăng dần mức độ linh độ của nguyên tử H trong nhóm -OH của các hợp chất sau: phenol, etanol, nước.

1. Etanol < nước <phenol. **C.** Nước < phenol <etanol.
2. Etanol < phenol< nước. **D.** Phenol < nước <etanol.

**Câu 33:** Từ 400 gam bezen có thể điều chế được tối đa bao nhiêu gam phenol. Cho biết hiệu suất toàn bộ quá trình đạt 78%.

**A.**376 gam. **B.**312gam. **C.**618 gam. **D.** 320 gam.

**Câu 34.** Hợp chất nào sau đây **không** phải là ancol?

**A.** CH2=CH-OH. **B.** CH3CH2OH. **C.** CH2=CH-CH2OH. **C.** C6H5CH2­OH.

**Câu 35.** Hợp chất nào sau đây là ancol đa chức?

**A.** HOCH2-CH2OH. **B.** CH3CH(OH)2. **C.** CH2=CH-CH(OH)2.**D.** HO-CH=CH-OH.

**Câu 36.** Công thức cấu tạo của butan-1-ol là

**A.** (CH3)2CH-CH2OH. **B.** (CH3)3C-OH.

**C.** CH3CH2-CHOH-CH3. **D.** CH3CH2CH2CH2OH.

**Câu 37:** Đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp 3 ancol đơn chức, thuộc cùng dãy đồng đẳng, thu được 3,808 lít khí CO2 (đktc) và 5,4 gam H2O. Giá trị của m là

**A.** 5,42. **B.** 5,72. **C.** 4,72. **D.** 7,42.

**Câu 38:** Cho m gam hỗn hợp X gồm phenol và etanol phản ứng hoàn toàn với natri (dư), thu được 2,24 lít khí H2 (đktc). Mặt khác, để phản ứng hoàn toàn với m gam X cần 100 ml dung dịch NaOH 1M. Giá trị của m là

**A**. 7,0 **B**. 14,0 **C**. 10,5 **D**.21,0

**Câu 39.**Kết quả thí nghiệm trong bài thực hành số 5/sgk Hóa học 11 của các dung dịch **X**, **Y**, **Z**với thuốc thử được ghi lại trong bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mẫu thử** | **Thuốc thử** | **Hiện tượng** |
| **X** | Nước Br2 | Kết tủa trắng |
| **Y** | Cu(OH)2 | Tạo phức màu xanh |
| **Z** | Na | Có khí thoát ra |

Các dung dịch **X**, **Y**, **Z** lần lượt là

**A.** Phenol, glixerol, etanol **B.** Glixerol, etanol, phenol

**C.** Etanol, glixerol, phenol. **D.** Phenol, etanol, glixerol

**CHƯƠNG IX: ANDEHIT- AXIT AXETIC**

**Câu 1:**Chất nào sau đây có tên gọi là anđehit fomic?

**A.** HCHO. **B.** CH3OH. **C.** C6H5OH. **D.** HCOOH.

**Câu 2:**Chất X có công thức cấu tạo là CH3 CH2CHO. Tên gọi của X là

**A.** metanal. **B.** propanal. **C.** etanal. **D.** butanal.

**Câu 3:** Có bao nhiêu đồng phân cấu tạo C5H10O có khả năng tham gia phản ứng tráng gương ?

**A.**2. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 5.

**Câu 4:**Chất nào sau đây có phản ứng tráng bạc ?

**A**. etanal. **B.** propanol. **C.** axit propanoic. **D.** phenol.

**Câu 5:** Dung dịch chất nào sau đây tác dụng với NaHCO3 ?

**A.** Ancol etylic. **B.** Etanal. **C.** Axit axetic. **D.** Toluen.

**Câu 6:** Đốt cháy anđehit A được mol CO2 = mol H2O. A là

**A.** anđehit no, mạch hở,đơnchức. **B.** anđehit đơn chức, no, mạch vòng.

**C.** anđehit đơn chức có 1 nối đôi,mạchhở. **D.** anđehit no 2 chức, mạchhở.

**Câu 7:** Chất nào sau đây có nhiệt độ sôi cao nhất?

**A.** Axit etanoic. **B.** Ancol etylic **C.** Anđehit axetic. **D.** Axetilen.

**Câu 8:**Cho 0,15 mol CH3CH2CHO tác dụng hoàn toàn với lượng dư dung dịch AgNO3 trong NH3, thu được m gam Ag. Giá trị của m là

**A.** 10,8. **B.** 21,6. **C.** 32,4. **D.** 43,2.

**Câu 9:** Muốn trung hòa 6,72 gam một axit hữu cơ A cần dùng 200 gam dung dịch NaOH 2,24%. A là

**A.**CH3COOH. **B.** CH3CH2COOH. **C.**HCOOH. **D.** CH2=CHCOOH.

**Câu 10:** Để trung hòa 40 ml giấm ăn cần 25 ml dung dịch NaOH 1M. Biết khối lượng riêng của giấm là 1 g/ml. Vậy mẫu giấm ăn này có nồng độlà

**A.**3,5%. **B.** 3,75%. **C.**4%. **D.** 5%.

**Câu 11:**Hiđro hóa hoàn toàn anđehitfomic (xúc tác Ni,to), thu được sản phẩm là

**A.** axit axetic. **B.** ancol metylic. **C.** Etilen. **D.** propilen.

**Câu 12:**Chất nào sau đây tác dụng được với Na2CO3 tạo khí CO2?

**A.** Axit axetic. **B.** Phenol. **C.** Metanol. **D.** Propanal.

**Câu 13.**Anđehit là hợp chất có chứa nhóm chức

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. -COOH. | B.-NH2 | C.-CHO | D.-OH |

**Câu 14.** Hiđro hóa hoàn toàn anđehitaxetic (xúc tác Ni,to), thu được sản phẩm là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. axit axetic. | 1. ancol etylic. | 1. Etilen. | 1. propilen. |

**Câu 15.**Fomalin hay fomon được dùng để ngâm xác động vật, thuộc da, tẩy uế, diệt trùng,… Fomalin là

A. dung dịch rất loãng của anđehit fomic.

B. dung dịch axetanđehit khoảng 40%.

C. dung dịch 37 – 40% fomanđehit trong nước.

D. tên gọi của H–CH=O.

**Câu 16.**Thứ tự giảm dần nhiệt độ sôi của các chất CH3CHO, C2H5OH, H2O là

|  |  |
| --- | --- |
| 1. H2O, CH3CHO, C2H5OH. | 1. H2O, C2H5OH, CH3CHO |
| **C.** CH3CHO, H2O, C2H5OH | **D.** CH3CHO, C2H5OH, H2O. |

**Câu 17.** Cho 4,4 gam 1 andehit no, đơn chức mạch hở X tham gia phản ứng với AgNO3/NH3 , sau phản ứng thu được 21,6 gam Ag. Vậy X là :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. CH3CHO | 1. HCHO. | 1. CH3CH2CHO. | 1. C3H7CHO. |

**Câu 18:** Để phân biệt 3 mẫu hóa chất riêng biệt : phenol, axit acrylic, axit axetic bằng một thuốc thử, người ta dùng thuốc thử

**A.** dungdịchNa2CO3. **B.** CaCO3.

**C.** dungdịchBr2. **D.** dung dịchAgNO3/NH3.

**Câu 19.** Axit cacboxylic mạch hở có CTPT C4H8O2 có bao nhiêu đồng phân ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. 4 | 1. 3 | 1. 2 | 1. 1 |

**Câu 20.**Trong thành phần của giấm ăn chứa 2-5% một loại axit cacboxylic. Tên của loại axit đó là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. Axit lactic | 1. Axit acrylic | 1. Axit axetic | 1. Axit oxalic |

**Câu 21.**Để trung hòa 200 ml dung dịch axit axetic 1M cần dùng V ml dung dịch NaOH 0,5M. Tìm giá trị của V?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. 100 ml | 1. 200 ml | 1. 300 ml | 1. 400 ml |

**Câu 22:** Chỉ ra thứ tự tăng dần nhiệt độ sôi của các chất ?

1. CH3CHO; C2H5OH;CH3COOH. **C.** C2H5OH ; CH3COOH ;CH3CHO.
2. CH3CHO ;CH3COOH;C2H5OH. **D.** CH3COOH ; C2H5OH ;CH3CHO.

**Câu 23:** Đốt cháy hoàn toàn 1,46 gam hỗn hợp 2 anđehit no, đơn chức đồng đẳng kế tiếp thu được 1,568 lít CO2 (đktc).

1. CTPT của 2 anđehitlà
   1. CH3CHOvàC2H5CHO. **B.** HCHO vàCH3CHO.

**C.** C2H5CHOvàC3H7CHO. **D.** Kết quảkhác.

1. Khối lượng gam của mỗi anđehitlà

**A.** 0,539và0,921. **B.** 0,88 và0,58. **C.** 0,44và1,01. **D.** 0,66 và0,8.

**Câu 24:**Anđehit fomic có :

A. tính oxi hoá. B. tính khử.

C. tính oxi hóa và tính khử. D. không có tính oxi hoá và tính khử.

**Câu 25:**Andehit axetic đóng vai trò chất oxi hóa trong phản ứng nào ?

A. CH3CHO + H2 B. CH3CHO + dd AgNO3/NH3

C. CH3CHO + O2 D.CH3CHO + Cu(OH)2/OH-,t0

……………………….HẾT……………………………